

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM ĐẢO  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 16 - 6 - 2022  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lâm Văn Bảy và ông Hồ Sỹ Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn La, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992; ĐKKHKT: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện cư trú tại: Thôn Ng, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, có mặt.

*Bị đơn:* Anh Trần Đình Th1, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Trần Đình Th1 kết hôn ngày 22/8/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T. Trước khi kết hôn, chị và anh Th1 đã chung sống cùng nhau, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới anh chị sống cùng gia đình anh Th1 khoảng 01 tháng, sau đó thuê nhà làm ăn buôn bán ở thôn Ng, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, đến cuối năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh Th1 mải chơi, vay nợ nhiều, chị và gia đình nhiều lần trả nợ thay và khuyên giải nhưng anh Th1 không thay đổi. Tháng 11/2019 anh Th1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố S, huyện T, từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không ai có trách nhiệm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th1.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị và anh Th1 có 01 con chung là Trần Ngọc A sinh ngày 13/7/2018, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu A, không yêu cầu anh Th1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Đình Th1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Th thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự, anh Th1 chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th, cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Trần Đình Th1; Giao cho chị Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi cháu Trần Ngọc A, anh Trần Đình Th1 không phải cấp dưỡng nuôi con; chị Th phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đình Th1; anh Th1 có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với anh Trần Đình Th1, mặc dù anh Th1 biết việc chị Th có đơn xin ly hôn nhưng anh Th1 cố tình gây khó khăn, không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Đình Th1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Anh chị sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Th1 không hợp tác và không đến Tòa án để làm việc. Qua làm việc với gia đình cũng như chính quyền địa phương, thể hiện: Anh Th1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, hiện anh Th1 không làm thủ tục tạm vắng, tạm trú gì tại địa phương, anh Th1 đi làm ăn thỉnh thoảng vẫn về nhà tại tổ dân phố S, thị trấn Đ, gia đình có thông báo cho anh Th1 biết việc chị Th xin ly hôn. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị Th và anh Th1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th ly hôn anh Th1 là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị và anh Th có 01 con chung là Trần Ngọc A. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu A, không yêu cầu anh Th1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Hiện chị Th đang trực tiếp nuôi cháu A, cháu A phát triển tâm sinh lý bình thường, chị Th đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu phát triển về mọi mặt, quá trình giải quyết vụ án anh Th1 vắng mặt. Vì vậy, cần giao cháu A cho chị Th1 tiếp tục nuôi là phù hợp.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị Th không yêu cầu giải quyết, đồng thời quá trình giải quyết vụ án anh Th1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

**1.** Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Trần Đình Th1.

**2.** Giao cho chị Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 13/7/2018. Anh Trần Đình Th1 không phải cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

**3.** Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0000080 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo.

**4.** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu**

